

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Hà Nội, tháng 06 năm 2015

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án:

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần;
- Căn cứ thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2015;
- Căn cứ Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2848/KH-UBND ngày 27/05/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất năm 2014-2015;
- Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội v/v thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất và Nhà máy VIHA thuộc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất.

2. Mục tiêu cổ phần hóa:

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất như sau:

- Thực hiện chủ trương của chính phủ về đa dạng hóa hình thức sở hữu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của nhà nước; nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo động lực mạnh mẽ cho người lao động và cơ chế quản lý năng động, làm cho doanh nghiệp tự chủ, năng động và trách nhiệm cao hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Sau cổ phần hóa, phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao, thu nhập của người lao động ngày càng nâng cao, đóng góp nhiều hơn cho Ngân sách Nhà nước.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa:

- Công ty Thống Nhất là một thương hiệu truyền thống, có uy tín với chất lượng sản phẩm đảm bảo, được người tiêu dùng tin cậy và yêu mến.

- Được sự chỉ đạo giúp đỡ của UBND và các Sở, Ban, Ngành thành phố, Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ kinh tế xã hội được giao, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, hoạt động đúng pháp luật, hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa:

Căn cứ Quyết định về phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất, số...../ QĐ-UBND ngày..... tháng... năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội, giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa được thực hiện ở bảng sau:

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	195.562.089.143	236.434.562.280	40.872.473.137

II. Nội dung phương án cổ phần hóa:

1. Hình thức cổ phần hóa: Theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty Cổ phần, Nhà máy chọn hình thức: Giữ lại 45% vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và bán phần vốn nhà nước còn lại trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.

2. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần:

2.1 Thông tin doanh nghiệp (dự kiến)

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh: **THONG NHAT VIET NAM JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt: **THONG NHAT.,JSC**

- Trụ sở: Số 10B phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành

phố Hà Nội

- Điện thoại: 04 - 38.572.699 Fax: 04 - 38.572.744
- Email: tnbike@thongnhat.com.vn
- Website: www.thongnhat.com.vn
- Biểu tượng:



2.2 Ngành nghề SX kinh doanh (dự kiến):

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh truyền thống, theo đó ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
8.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
9.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
10.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
12.	Sản xuất xe có động cơ	2910
13.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán tơ moóc	2920
14.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

15.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
16.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà các loại	4100
23.	Xây dựng công trình công ích	4220
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30.	Bán mô tô, xe máy	4541
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:	4649
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
36.	Bán buôn tổng hợp	4690

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

37.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
41.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
45.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh	8299
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610

2.3. Hình thức pháp lý:

Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Thống Nhất Việt Nam sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó nhà nước nắm giữ 45% vốn điều lệ.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty:

3.1. Quyền hạn: Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh và các quyền về quản lý tài chính.

3.2. Nghĩa vụ: Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ và các quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và phương thức bán cổ phần:

4.1. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ (dự kiến) : 237.000.000.000 đồng
- Mệnh giá 1 cổ phần : 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 23.700.000 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông: Công ty Cổ phần Thống Nhất Việt Nam đề xuất xây dựng phương án nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 45% vốn điều lệ tương ứng là 106.650.000.000 đồng (10.665.000 cổ phần).

Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	10.665.000	106.650.000.000	45 %
2	Cổ phần ưu đãi bán cho CBCNV	119.200	1.192.000.000	0,50 %
3	Cổ phần ưu đãi mua thêm	800	8.000.000	0,003 %
4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	9.879.225	98.792.250.000	41,69%
5	Cổ phần bán ra bên ngoài qua đấu giá	3.035.775	30.357.750.000	12,81%

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc bán cổ phần qua đấu giá:

5.1. Đối tượng mua cổ phần:

- Cán bộ công nhân viên Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất.
- Các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ).

5.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV: Căn cứ Biên bản về việc thẩm định thời gian công tác để mua cổ phần ưu đãi của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất do Sở lao động thương binh và xã hội Hà Nội chủ trì.

Xác định được kết quả như sau:

- Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất: 105 người.
- Số lao động có mặt tại thời điểm dự kiến phê duyệt giá trị doanh nghiệp (31/12/2015): 105 người.
- Số lao động có mặt tại thời điểm dự kiến công bố giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi và đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi: 95 người.
- Tổng số năm công tác của 95 lao động tính đến thời điểm dự kiến công bố giá trị doanh nghiệp (31/12/2015): 1.192 năm (Bằng chữ: Một nghìn một trăm chín hai năm).
- Số lao động không thuộc đối tượng mua cổ phần ưu đãi và không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: 10 người.
- Số lao động thuộc đối tượng Công ty Cổ phần mới cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp với thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày DN được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi như sau: 01 người.
- Mua thêm mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp là 01 người với tổng số cổ phần ưu đãi mua thêm là 800 cổ phần.

5.3. Cổ phần bán đấu giá bên ngoài:

- a. Tổng số cổ phần dự thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài như sau:
 - Tổ chức bán đấu giá: 3.035.775 cổ phần tương đương với số tiền là 30.357.750.000 đồng chiếm 12,81 % vốn điều lệ Công ty Cổ phần.
 - Giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Thời gian bán đấu giá: dự kiến tháng 06/2015 - tháng 08/2015.
- c. Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành:

6.1. Loại cổ phần:

- Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần Thống Nhất Việt Nam là cổ phần phổ thông.

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

- Các hoạt động mua bán chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2 Phương thức phát hành:

- Phương thức bán cổ phần lần đầu: Thực hiện phương thức đấu giá công khai ra công chúng mà không có sự phân biệt nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.

- Tổ chức đấu giá công khai: Địa điểm tổ chức bán đấu giá công khai là trụ sở Công ty hoặc đơn vị tổ chức trung gian tổ chức đấu giá.

- Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV trong Công ty được thực hiện tại Công ty theo danh sách đã được phê duyệt.

7. Chi phí Cổ phần hóa:

Căn cứ quy định tại Điều 12 khoản 4 thông tư 196/2011/TT-BTC ban hành ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính, tổng mức chi phí tối đa của Công ty như sau:

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	SỐ TIỀN (Đơn vị tính) VNĐ
A	Các khoản chi trực tiếp cho đơn vị	195.000.000
1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ cho cổ phần hóa	10.000.000
2	Chi kiểm kê xác định giá trị tài sản	20.000.000
3	Chi phí thuê tư vấn lập phương án cổ phần	100.000.000
4	Chi Hội nghị CBCNV để triển khai cổ phần hóa	15.000.000
5	Chi phí công bố doanh nghiệp trên báo	5.000.000
6	Chi phí tổ chức bán cổ phần	25.000.000
7	Chi phí tổ chức đại hội cổ đông lần đầu	20.000.000
B	Chi phí kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	165.000.000
C	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ giúp việc	84.000.000
D	Chi phí khác	56.000.000
	CỘNG	500.000.000

	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	80	
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	18	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng (HĐ 6 tháng)	05	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	02	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành		
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động		
	a) Hết hạn hợp đồng lao động		
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động		
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật		
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp		
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP		
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm		
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần		
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	105	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	02	
	a) Ốm đau	01	
	b) Thai sản	01	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự		
	b) Nghĩa vụ công dân khác		
	c) Bị tạm giam, tạm giữ		
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)		

9. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư: Công ty không có lao động dôi dư. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sử dụng toàn bộ số lao động của Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất tính đến 30/06/2015 là 110 người sang làm việc tại Công ty cổ phần.

10. Kế hoạch đào tạo lại: Cử cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ đi học tập theo nhiều hình thức nhằm nâng cao trình độ quản lý tại doanh nghiệp.

11. Phương án sử dụng đất:

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Năm sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	17.428	2004	UBND TP giao cho Nhà máy VIHA trực thuộc Công ty TNHH MTV Thống Nhất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ cho thuê đất số 965/QĐ-UB ngày 23/2/2004 của UBND TP Hà Nội. Thời hạn 30 năm kể từ ngày 23/2/2004. - HĐĐĐ số 30-2004 STNMTNĐ-HĐTN ngày 5/4/2004. + Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ-493831 ngày 1/3/2006. - Công văn số 8908/UBND-KT ngày 17/11/2014 v/v chấp thuận chủ trương để nhà máy VIHA trực thuộc Công ty Thống Nhất được tiếp tục sử dụng để làm cơ sở sxkd.
2	Xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội	4.469	2004	UBND TP giao cho Nhà máy VIHA trực thuộc Công ty TNHH MTV Thống Nhất để làm cơ sở sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - QĐ số 2983/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 v/v cho chuyển mục đích sử dụng 4.469 m2 đất nông nghiệp để làm đường vào thi công dự án xây dựng nhà xưởng mở rộng cơ sở sản xuất. - HĐĐĐ số 336/HĐĐĐ ngày 2/12/2010. - Các phụ lục gia hạn thời gian thuê đất. - Trích lục bản đồ tỷ lệ 1:1000 số 157/TĐ-11 cấp ngày 19/9/2011. - Công văn số 8908/UBND-KT ngày 17/11/2014 v/v chấp thuận chủ trương để nhà máy VIHA trực

					thuộc Công ty Thống Nhất được tiếp tục sử dụng để làm cơ sở sxkd.
3	Lô A2CN3 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ huyện Từ Liêm	10.000	2008	Nhà máy sản xuất	- Hợp đồng thuê đất số 186-08/HĐTĐ ngày 22/12/2008. Thời hạn 50 năm kể từ 15/5/2008. Trả tiền thuê đất hàng năm. - Phụ lục HĐTĐ số 518/PLHĐTĐ ngày 4/11/2013. - Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 888851 ngày 24/3/2014
4	Số 10B phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	800	2002	Làm trụ sở văn phòng làm việc của Công ty	- Hợp đồng thuê đất số 60-2002/ĐCND-HĐTĐTN ngày 19/7/2002. Thời hạn thuê đất hàng năm. Trả tiền thuê đất hàng năm.
5	Số 10 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	329,7	1982	Thực hiện dự án liên doanh với Công ty CP địa ốc Hà Nội và Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Đông Dương	- Công văn số 4789/CV-UB ngày 06/12/1982 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Nhà nước giao cho đơn vị tự quản không thu tiền sử dụng đất. - Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020356 cấp ngày 26/10/2007, cấp thay đổi lần 1 ngày 29/11/2013. - Giấy chứng nhận đầu tư số 01121001795 do UBND TP cấp ngày 14/4/2015.
6	Số 82 Nguyễn Tuấn, quận Thanh Xuân, Hà Nội	17.866,4	1999	Thực hiện dự án liên doanh với Công ty TNHH phát triển Bắc Việt	- Hợp đồng thuê đất số 132-24599/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 17/7/1999. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ 1/1/1996. Trả tiền thuê đất hàng năm - Giấy chứng nhận QSDĐ số 00315-QSDĐ ngày 5/3/2000 - Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/1/2011 của UBND TP về việc phê duyệt phương án hỗ trợ di chuyển địa điểm và góp vốn thành lập Công ty TNHH để thực hiện DA ĐTXD tại 82 Nguyễn Tuấn - Hợp đồng thành lập Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt ký ngày 16/5/2011.

Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất

7	Số 198B Tây Sơn, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Hà Nội	441	1995	Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thuê đất số 27/9/1995/HĐTD-TN ngày 27/9/1995. Thời hạn thuê 30 năm từ 9/9/1995. Trả tiền thuê đất hàng năm. - Hợp đồng thuê đất số 20/5/1996/HĐTD-TN ngày 14/5/1996. Thời hạn thuê 30 năm kể từ 5/4/1996. Trả tiền thuê đất hàng năm - Hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Liên doanh đầu tư tài chính Hòa Bình. Công ty cổ phần sẽ tiếp tục kế thừa.
8	Số 4 ngõ 260 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	454,7	1998	Chờ quy hoạch của thành phố để thực hiện dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 892/QĐ-UBND của UBND TP ngày 10/2/2014 về việc cho Công ty thuê đất để sử dụng với công trình hiện tại. - Hợp đồng thuê đất số 352/HĐTD ngày 27/6/2014. Thời hạn thuê đất hàng năm. Trả tiền thuê đất hàng năm. - Công văn số 1739/QHKT-P5 ngày 12/6/2013 của Sở QHKT v/v: Hiện nay, Quy hoạch phân khu đô thị H2-1 đang trong quá trình nghiên cứu. Sau khi Quy hoạch này được UBND TP phê duyệt, xác định rõ chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc tại khu vực, Sở QHKT sẽ cung cấp đầy đủ thông tin quy hoạch tại khu đất theo quy hoạch.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỐNG NHẤT



Nguyễn Hữu Sơn